

Số: 686/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 15 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHUNG THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC ĐẾN NĂM 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 và Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1883/QĐ-TTg ngày 26/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ V/v Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 06/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2456/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt Chương trình tổng thể xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh);

Căn cứ Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 01/6/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Phúc Yên V/v thông qua đồ án quy hoạch chung thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2045;

Căn cứ Văn bản số 309/BXD-QHKT ngày 17/01/2025 của Bộ Xây dựng về ý kiến nội dung đồ án QHC thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2045;

Căn cứ Thông báo số 271-KL/TU ngày 07/03/2025 Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc tại Hội nghị ngày 06/03/2025;

Căn cứ Thông báo số 244/TB-UBND ngày 26/12/2024 của UBND tỉnh về kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Trần Duy Đông tại cuộc họp nghe Sở Xây dựng báo cáo công tác quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh; thông báo số 52/TB-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh về kết quả phiên họp UBND tỉnh tháng 01/2025;

Căn cứ Thông báo số 100/TB-UBND ngày 31/3/2025 của UBND tỉnh về kết quả phiên họp UBND tỉnh tháng 02 năm 2025; Thông báo số 113/TB-UBND ngày 10/4/2025 của UBND tỉnh tại cuộc họp nghe Sở Xây dựng tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ Quy hoạch chung thành phố Phúc Yên và Quy hoạch chung đô thị Tam Đảo

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 862/TTr-SXD ngày 20/3/2025 và văn bản số 1262/SXD-QHKT ngày 11/04/2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung đô thị gồm những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung đô thị thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2045.

2. Cơ quan tổ chức lập Quy hoạch: UBND thành phố Phúc Yên

3. Đơn vị tư vấn: Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn Quốc gia - Bộ Xây dựng

4. Phạm vi, ranh giới khu vực lập quy hoạch

4.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch: Trên toàn bộ địa giới hành chính của thành phố Phúc Yên. Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;
- Phía Đông giáp huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;
- Phía Nam giáp huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội;
- Phía Tây giáp huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

4.2. Quy mô lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích: Toàn bộ diện tích tự nhiên thành phố Phúc Yên với quy mô 11.948,60ha (119,486km²).

- Quy mô dân số hiện trạng: Đến hết năm 2023, dân số thành phố Phúc Yên khoảng 136.632 người (bao gồm cả dân số quy đổi).

5. Nguyên tắc và mục tiêu lập quy hoạch

5.1. Nguyên tắc:

- Bảo đảm tính kế thừa quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc được duyệt năm 2011, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang được triển khai.

- Bảo đảm lồng ghép thống nhất với các nội dung quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; nội dung Đề án phát triển thành phố Phúc Yên giai đoạn 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5.2. Mục tiêu lập quy hoạch:

- Cụ thể hoá những chiến lược, định hướng phát triển của Quy hoạch Quốc gia, Quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, không gian đô thị, kiến trúc cảnh quan trên địa bàn thành phố Phúc Yên;

- Làm cơ sở để chính quyền địa phương và các tổ chức, đơn vị triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu vực, lập các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố theo quy định và là công cụ pháp lý để chính quyền các cấp quản lý, kiểm soát các hoạt động đầu tư xây dựng, sự phát triển của khu vực theo quy hoạch được duyệt. Làm cơ sở để hoàn thiện Đề án phân loại đô thị.

6. Các tiền đề phát triển đô thị

6.1. Mục tiêu phát triển đô thị:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Tập trung đẩy mạnh phát triển kinh tế, trọng tâm là phát triển công nghiệp; đầu tư thích đáng để đưa dịch vụ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; huy động mọi nguồn lực đầu tư của toàn xã hội, đẩy nhanh xây dựng hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại II. Xây dựng thành phố Phúc Yên từng bước trở thành trung tâm kinh tế, đô thị trung tâm phía Đông của Tỉnh, là trung tâm về dịch vụ, du lịch và giáo dục của tỉnh, trung tâm du lịch nghỉ dưỡng và giải trí khu vực trong nước và quốc tế.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Phát triển theo chiều sâu, hoàn thiện các tiêu chí còn yếu của đô thị loại II, đồng thời duy trì và nâng cao các tiêu chí đã đạt, hướng đến các tiêu chí của đô thị loại I. Là cực tăng trưởng kinh tế, đô thị phía Đông của tỉnh Vĩnh Phúc, với công nghiệp là nền tảng, du lịch, dịch vụ là mũi nhọn; khu du lịch hồ Đại Lải đạt tiêu chí khu du lịch quốc gia.

- Tầm nhìn đến năm 2045: Thành phố xanh, thông minh, hiện đại và hội nhập; thành phố dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái bền vững.

Ghi chú: Mục tiêu phát triển đô thị sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính và cấp độ chính quyền theo chủ trương của Bộ Chính trị.

6.2. Tính chất đô thị:

- Là đô thị cửa ngõ phía Đông của tỉnh Vĩnh Phúc với Thủ đô Hà Nội;
- Là trung tâm kinh tế - xã hội lớn của tỉnh, với công nghiệp là nền tảng, du lịch, dịch vụ là mũi nhọn;

- Là đô thị xanh, thông minh, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; kiến trúc đô thị hài hòa với thiên nhiên, tôn tạo và bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử; đảm bảo an ninh - quốc phòng; phát triển bền vững.

7. Các chỉ tiêu phát triển đô thị

7.1. Quy mô dân số:

- Đến năm 2030: Khoảng 160.000 người.

- Đến năm 2045: Khoảng 225.000 người; tăng so với nhiệm vụ 45.000 người (*Trên cơ sở cập nhật các dự báo tăng trưởng theo Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030 được duyệt; Dân số tăng cơ học đến từ nhu cầu tuyển mộ lao động để phát triển công nghiệp, phát triển du lịch, xây dựng và quản lý phát triển thành phố, cũng như từ nhu cầu thu hút dân cư từ các khu vực xung quanh*).

7.2. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Đến năm 2030: Đất xây dựng đô thị khoảng 5.070,22ha; chiếm 42,43% tổng diện tích quy hoạch; trong đó: Đất dân dụng khoảng 1.445,85ha; đất ngoài khu dân dụng khoảng 3.624,37ha. Đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 6.878,37ha, chiếm khoảng 57,57% diện tích tự nhiên toàn thành phố.

- Đến năm 2045: Đất xây dựng đô thị khoảng 6.699,78ha; chiếm 56,07% tổng diện tích quy hoạch; trong đó: Đất dân dụng khoảng 1.902,38ha; đất ngoài khu dân dụng khoảng 4.797,40ha. Đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 5.248,82ha, chiếm khoảng 43,93% diện tích tự nhiên toàn thành phố.

8. Định hướng phát triển không gian

8.1. Định hướng phát triển không gian tổng thể:

Thành phố Phúc Yên phát triển theo mô hình có 02 phân vùng gắn với 04 hành lang kết nối sinh thái, thể hiện đặc trưng đô thị xanh, sinh thái, gồm:

- Vùng đồng bằng, là toàn bộ phần diện tích nằm trong Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc (*toàn bộ diện tích các phường nội thị hiện có & xã Cao Minh*), gồm: Khu vực trung tâm đô thị hiện hữu, đây là khu vực tập trung cho công tác cải tạo chỉnh trang, phát triển đô thị, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đảm bảo đạt tiêu chí đô thị. Khu vực trung tâm đô thị mới, thuộc xã Cao Minh, một phần diện tích thuộc Nam Viêm, Xuân Hòa là khu vực phát triển mới, định hướng đầu tư xây dựng đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đáp ứng các tiêu chí đô thị xanh, sinh thái và phát triển bền vững. Vùng này được tổ chức thành 02 phân khu, gồm: (1) Phân khu đô thị trung tâm; (2) Phân khu đô thị mới phía Nam hồ Đại Lải.

- Vùng hồ nước và đồi núi Ngọc Thanh (*toàn bộ xã Ngọc Thanh*), gồm: Khu vực xung quanh hồ Đại Lải; định hướng phát triển các sản phẩm du lịch, nghỉ dưỡng, thể thao và nhà ở sinh thái chất lượng cao; kết hợp với các vùng sản xuất nông nghiệp sinh thái, gắn liền với các hoạt động du lịch cộng đồng, trải nghiệm. Khu

vực phía Bắc Ngọc Thanh thuận lợi cho phát triển đô thị sinh thái gắn liền với du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, du lịch thể thao và chăm sóc sức khỏe, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng mới, đồng bộ. Ngoại trừ khu vực phát triển lâm nghiệp (03 loại rừng), phần còn lại của vùng này được tổ chức thành 05 phân khu, gồm: (1) Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch hồ Đại Lải; (2) Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp chất lượng cao; (3) Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch dọc tuyến đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô; (4) Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch hồ Đồng Đầm; (5) Phân khu dân cư dịch vụ, du lịch hồ Lập Đình. Đối với nội dung quy hoạch đất lâm nghiệp, chỉ tiêu diện tích 03 loại rừng đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tuy nhiên, để tránh mâu thuẫn số liệu giữa các cấp độ quy hoạch, trong đó có Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia, cần tiếp tục rà soát, kiến nghị cấp thẩm quyền điều chỉnh Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc (nếu có), làm cơ sở điều chỉnh các quy hoạch chung thành phố Phúc Yên và các quy hoạch xây dựng có liên quan.

- 04 hành lang kết nối sinh thái: Là khu vực bảo vệ đa dạng sinh học, khu vực nối liền các vùng sinh thái tự nhiên cho phép các loài sinh vật sống trong các vùng sinh thái đó có thể liên hệ với nhau, gồm có:

- + Hành lang kết nối sinh thái dọc sông Ba Hanh & sông Cà Lô Cụt.
- + Hành lang kết nối sinh thái núi Thần Lăn.
- + Hành lang kết nối sinh thái dọc suối Lập Đình, sông Đồng Đò.
- + Hành lang kết nối sinh thái dọc sông Cà Lô.

Các khu chức năng đô thị phát triển dọc theo các trục đường giao thông chính gồm QL.2; đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai; đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô Hà Nội; đường Vành đai 5 tỉnh Vĩnh Phúc và các tuyến đường tỉnh ĐT.301, ĐT.310, ĐT.310B, ĐT.311, ĐT. 311B,...

8.2. Định hướng phát triển không gian theo các phân khu:

a. Phân khu đô thị trung tâm: Thuộc địa giới hành chính các phường Hùng Vương, Phúc Thắng, Hai Bà Trưng, Tiền Châu & Nam Viêm.

- Tính chất, chức năng: Là vùng đô thị hiện hữu, cải tạo, tái thiết, gắn với các chức năng về y tế, giáo dục, văn hóa, công nghiệp, dịch vụ của thành phố, tỉnh, vùng.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 1.975ha; dân số quy hoạch đến năm 2045 khoảng 80.000 người.

- Định hướng phát triển: Cải tạo, chỉnh trang nâng cấp các khu dân cư hiện hữu, hoàn thiện các tuyến đường và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, bổ sung công trình hạ tầng xã hội, tiện ích công cộng, bãi đỗ xe, công trình thương mại, dịch vụ phục vụ du lịch và đô thị; tái cấu trúc nhu cầu sử dụng đất trong khu vực, bố trí đất dịch vụ công cộng hỗn hợp. Các không gian khu đô thị mới tại đây chú

trọng các không gian xanh; hình thành các trung tâm dịch vụ tiện ích đô thị, dịch vụ thương mại, trung tâm y tế, chăm sóc sức khỏe, các khu đô thị mới gắn với hệ thống không gian xanh, cảnh quan tự nhiên của đô thị.

- Chỉ tiêu quản lý xây dựng: Mật độ xây dựng gộp tối đa 60%; tầng cao xây dựng tối đa 12 tầng.

b. Phân vùng đô thị mới phía Nam hồ Đại Lải: Thuộc địa giới hành chính các phường Nam Viêm, Xuân Hoà, Đồng Xuân, xã Cao Minh & Ngọc Thanh.

- Tính chất, chức năng: Là vùng phát triển đô thị mở rộng, gắn với cải tạo, nâng cấp các khu đô thị hiện hữu; phát triển các trung tâm dịch vụ công cộng cấp thành phố, như: Hành chính, văn hóa - thể thao, thương mại - dịch vụ; phát triển các khu chức năng cấp tỉnh, vùng, như: Y tế, giáo dục - đào tạo.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 2.300ha; dân số quy hoạch đến năm 2045 khoảng 95.000 người.

- Định hướng phát triển: Hình thành không gian đô thị hiện đại phía Nam hồ Đại Lải; tăng cường phát triển, hoàn thiện các không gian cây xanh mặt nước, các công trình công cộng thành phố cũng như đơn vị ở tại khu vực. Hình thành các khu đô thị mới có quy mô lớn, tiêu chuẩn cao, môi trường sống sinh thái, khai thác tối đa lợi thế địa hình, không gian cây xanh, mặt nước tự nhiên tại khu vực. Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, chú trọng khu vực ven chân núi Thần Lăn, tôn trọng địa hình để tạo dựng hình ảnh đẹp về đô thị; bố trí các công trình dịch vụ công cộng, thể dục thể thao khu vực phía Tây đường Nguyễn Tất Thành. Phát triển các cụm công trình hạ tầng xã hội tập trung để cung cấp các tiện ích đô thị cho dân cư.

- Chỉ tiêu quản lý xây dựng: Mật độ xây dựng gộp tối đa 50%; tầng cao xây dựng tối đa 15 tầng.

c. Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch hồ Đại Lải: Thuộc địa giới hành chính xã Ngọc Thanh.

- Tính chất, chức năng: Là vùng du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với nhà ở sinh thái chất lượng cao, địa điểm tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia Hồ Đại Lải.

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 1.220ha; dân số quy hoạch đến năm 2045 khoảng 13.000 người.

- Định hướng phát triển: Phát triển hỗn hợp với các loại hình dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, du lịch thể thao (sân gôn), nghỉ dưỡng, thương mại, nhà ở sinh thái, khách sạn tại khu vực; xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại; kết nối các dự án riêng lẻ thành chuỗi dịch vụ du lịch chất lượng cao; hướng tới được công nhận là khu du lịch quốc gia Hồ Đại Lải.

- Chỉ tiêu quản lý xây dựng: Mật độ xây dựng gộp tối đa 25%; tầng cao xây dựng tối đa 12 tầng.

d. Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp chất lượng cao: Thuộc địa giới hành chính xã Ngọc Thanh.

- Tính chất, chức năng: Là khu dân cư, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp chất lượng cao; là khu vực hỗ trợ phát triển cho địa điểm tiềm năng phát triển thành khu du lịch quốc gia Hồ Đại Lải.

- Diện tích khoảng 810ha; dân số quy hoạch khoảng 5.000 người.

- Định hướng phát triển: Hình thành khu sinh thái nông nghiệp kết hợp với dịch vụ du lịch. Phát triển hoàn chỉnh các cụm dân cư theo các đặc trưng văn hóa và địa hình tự nhiên tại khu vực. Chuyển dịch các hoạt động nông nghiệp truyền thống sang sản phẩm phục vụ du lịch.

e. Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch dọc tuyến đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô: Thuộc địa giới xã Ngọc Thanh.

- Tính chất, chức năng: Là khu dân cư, nhà ở sinh thái, với tiêu chí “phổ trong rừng, nhà trong vườn”, kết hợp với phát triển dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao; là khu du lịch cấp tỉnh (*Khu du lịch Bắc Ngọc Thanh theo định hướng của Quy hoạch tỉnh*).

- Quy mô: Diện tích tự nhiên khoảng 1.253ha; dân số quy hoạch đến năm 2045 khoảng 10.000 người.

- Định hướng phát triển: Hình thành các dự án du lịch nghỉ dưỡng, du lịch thể thao (sân gôn), khu nhà ở sinh thái chất lượng cao; từ đó cải tạo cảnh quan, phát triển hệ thống rừng theo từng khu vực để tạo cảnh quan cho phát triển du lịch, dịch vụ và các khu ở. Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình và hạ tầng hiện có thành để đáp ứng nhu cầu của các khu dân cư hiện hữu, khu ở sinh thái mới và các hoạt động dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực.

- Chỉ tiêu quản lý xây dựng: Mật độ xây dựng gộp tối đa 25%; tầng cao xây dựng tối đa 10 tầng.

f. Phân khu dân cư, dịch vụ, du lịch hồ Đồng Đàm: Thuộc địa giới xã Ngọc Thanh.

- Tính chất, chức năng: Là khu dân cư, nhà ở sinh thái, với tiêu chí “phổ trong rừng, nhà trong vườn”, kết hợp với phát triển dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao.

- Quy mô: Diện tích khoảng 886ha; dân số quy hoạch đến năm 2045 khoảng 10.000 người.

- Định hướng phát triển: Hình thành các dự án dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng, khu nhà ở sinh thái chất lượng cao; từ đó cải tạo cảnh quan, phát triển hệ thống rừng theo từng khu vực để tạo cảnh quan cho phát triển du lịch, dịch vụ và các khu ở. Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình và hạ tầng hiện có thành để đáp ứng nhu cầu của các khu dân cư hiện hữu, khu ở sinh thái mới và các hoạt động dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực.

g. Phân khu dân cư dịch vụ, du lịch hồ Lập Đình: Thuộc địa giới xã Ngọc Thanh.

- Tính chất, chức năng: Là khu dân cư, dịch vụ, du lịch tổng hợp.

- Quy mô: Diện tích khoảng 723ha; dân số quy hoạch khoảng 12.000 người.

- Định hướng phát triển: Hình thành các dự án khu ở sinh thái chất lượng cao, khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái theo dạng tổ hợp, đa dạng các hoạt động dịch vụ, lưu trú (khách sạn, resort, biệt thự,...), du lịch thể thao (sân gôn), các khu cắm trại, nông trại phục vụ trải nghiệm,... Kiểm soát hoạt động xây dựng để bảo vệ các khu vực đồi núi có cảnh quan đẹp. Đảm bảo hành lang cách ly an toàn các tuyến điện cao thế. Kết hợp với các cộng đồng dân cư địa phương để tạo các không gian du lịch cộng đồng.

9. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

9.1. Định hướng phát triển du lịch:

Thu hút đầu tư phát triển du lịch chất lượng cao, phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển du lịch tầm cỡ tại khu vực hồ Đại Lải, xã Ngọc Thanh; phát triển các khu du lịch, trung tâm du lịch mới gắn với đa dạng các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, hội thảo MICE, trải nghiệm, homestay, farmstay, du lịch chữa bệnh, golf,...

Phát triển các loại bất động sản du lịch khác nhau như: Khu nghỉ dưỡng (resort); biệt thự du lịch (resort villa, shopvilla); nhà phố du lịch (shoptel), nhà phố thương mại (shophouse); mô hình căn hộ du lịch (condotel); căn hộ khách sạn (boutique hotel); du lịch lưu trú tại nhà dân bản địa (homestay); căn hộ dịch vụ lưu trú dài hạn (Service apartment); du lịch trải nghiệm nông nghiệp (farmstay).

9.2. Định hướng phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

Việc phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tuân thủ định hướng Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được duyệt.

- Khu công nghiệp: KCN Kim Hoa, 50ha; KCN Phúc Yên, 127,74ha.

- Cụm công nghiệp: CCN Hùng Vương - Phúc Thắng, 10 ha (đã thành lập); CCN Cao Minh, 30ha (QH mới); CCN Phúc Thắng, 26,9ha (QH mới).

9.3. Định hướng phát triển thương mại, dịch vụ:

Ưu tiên phát triển hệ thống phân phối hiện đại gồm các trung tâm thương mại dịch vụ tổng hợp, tài chính ngân hàng, siêu thị, trung tâm vận chuyển, giao nhận hàng hóa (logistic) chợ đầu mối. Đầu tư phát triển hệ thống chợ đáp ứng đủ nhu cầu của người dân.

- Chợ trung tâm Phúc Yên, quy mô 1ha, tại phường Hai Bà Trưng, chợ hạng I.

- Đối với chợ hạng II, III sẽ được xác định cụ thể theo các quy hoạch phân khu, đáp ứng với các quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng.

- Phát triển 05 trung tâm thương mại (Bao gồm 01 hạng I, 01 hạng II, 03 hạng III) và 05 siêu thị (01 hạng I, 01 hạng II, 03 hạng III). Trong đó, có 01 điểm tại khu vực trung tâm để phát triển trung tâm thương mại với diện tích lớn hơn 50.000 m².

9.4. Định hướng phát triển nông nghiệp:

- Định hướng phát triển các khu vực trồng rau, quả an toàn, hoa, cây cảnh,... theo chuỗi liên kết giá trị gắn với bảo vệ môi trường tại xã Ngọc Thanh.

- Định hướng phát triển 03 loại rừng tuân thủ theo định hướng của Quy hoạch Tỉnh được duyệt.

9.5. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm hành chính - chính trị (được nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính và cấp độ chính quyền theo chủ trương của Bộ Chính trị).

- Xây dựng khu trung tâm hành chính mới tại khu vực trung tâm đô thị mới tại xã Cao Minh. Quỹ đất hiện có của các cơ quan địa phương sau khi chuyển về trụ sở mới sẽ được định hướng chuyển đổi chức năng sử dụng đất cho các khu nhu cầu xây dựng công trình dịch vụ - công cộng, tiện ích đô thị & công viên, vườn hoa.

- Trung tâm hành chính của các phường, xã: Cơ bản giữ nguyên vị trí (phường Nam Viêm bố trí trung tâm hành chính mới tại khu Đồng Dộc, tổ dân phố Cả Đoài), quy mô sẽ được cụ thể hoá tại các đồ án QHPK sau này;

9.6. Định hướng phát triển hệ thống giáo dục, đào tạo:

Giữ ổn định các trường hiện có; quy hoạch xây mới 03 trường PTTH, tại: Phường Nam Viêm (khoảng 2,5ha), xã Ngọc Thanh (phía Đông xã Ngọc Thanh, khoảng 3,5ha & phía Tây xã Ngọc Thanh khoảng 2,8ha). Đối với mạng lưới trường mầm non, tiểu học, THCS đầu tư xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp cải tạo nhằm đáp ứng yêu cầu học tập người dân (*cụ thể hóa trong các đồ án QHPK, QHCT*).

- Giáo dục nghề nghiệp, đại học, cao đẳng: Cơ bản ổn định theo quy mô diện tích hiện có; chủ yếu tập trung tại khu vực phường Xuân Hoà, Hai Bà Trưng, Đồng Xuân, Phúc Thắng.

9.7. Định hướng phát triển hệ thống cơ sở y tế, chăm sóc sức khỏe:

- Xây dựng và phát triển hệ thống y tế chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; nâng cấp, hiện đại hóa bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển hệ thống y tế tư nhân.

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm y tế thành phố lên 150 giường vào năm 2030; quy hoạch xây dựng Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên, quy mô 900 giường (giai đoạn 2030 - 2035) dự kiến tại vị trí mới trên địa bàn phường Nam Viêm và phường Xuân Hòa, tiếp giáp đường Nguyễn Tất Thành, diện tích khoảng 6ha; quy hoạch xây dựng bệnh viện (bệnh viện ngoài công lập) dự kiến vị trí tại phường Nam Viêm & Xuân Hòa, diện tích khoảng 2,0ha.

Các cơ sở y tế bộ, ngành,... đóng trên địa bàn thành phố thực hiện theo Quy hoạch tỉnh & quy hoạch ngành quốc gia..

9.8. Định hướng phát triển công trình văn hóa:

- Tại khu trung tâm mới của đô thị trên địa bàn xã Cao Minh, dành quỹ đất có diện tích khoảng 13ha, để xây dựng quần thể các công trình văn hóa, như: Trung tâm văn hóa, bảo tàng, thư viện, nhà truyền thống, cung thiếu nhi,...

- Bảo tồn, tôn tạo các di tích quốc gia, di tích cấp tỉnh, di tích chưa được xếp hạng để trở thành điểm tham quan, du lịch, sinh hoạt văn hóa và giáo dục truyền thống.

9.9. Định hướng phát triển công trình thể dục thể thao và cây xanh:

- Xây mới tổ hợp thể dục thể thao của thành phố tại khu trung tâm đô thị mới (trên địa bàn phường Nam Viêm, xã Cao Minh), quy mô khoảng 40ha; xây dựng bổ sung, nâng cấp công trình thể dục thể thao cấp xã, phường; quy hoạch hệ thống cây xanh hợp lý, phát triển thành phố xanh, sạch, đẹp.

- Xây dựng mới các công viên cây xanh: Công viên trung tâm đô thị tại khu vực phía Tây xã Cao Minh dọc sông Ba Hanh; công viên cắm trại, dã ngoại, du lịch vui chơi giải trí ven sông Cà Lồ; công viên hồ Đầm Diệu; lâm viên núi Thần Lăn, công viên hồ Đại Lải, công viên hồ Đồng Đầm; công viên hồ Lập Đình,...

9.10. Nhà ở:

- Phát triển đa dạng các loại hình nhà ở thương mại, hạn chế các dự án nhà ở có quy mô nhỏ; ưu tiên thu hút, đầu tư phát triển các dự án nhà ở có quy mô lớn, theo hướng sinh thái cao cấp, gắn liền với các hoạt động vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe – y tế, dịch vụ thể thao – sân golf, hình thành các sản phẩm bất động sản mũi nhọn, được định hướng ở phân khúc trung và cao cấp, hướng tới các đối tượng khách hàng là người dân có điều kiện kinh tế khá và cao tại Hà Nội, các tỉnh xung quanh và chuyên gia trong các KCN trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển nhà ở xã hội đa dạng về quy mô và các hình thức bán, cho thuê, cho thuê mua để đáp ứng nhu cầu về nhà ở xã hội cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội.

- Không phát triển các dự án nhà ở tái định cư riêng biệt mà kết hợp giữa việc đền bù bằng đất ở, đền bù bằng tiền để người dân tự lo chỗ ở (tự xây dựng nhà trên đất ở hợp pháp, mua nhà ở thương mại) và nhà ở xã hội.

- Khuyến khích các hộ gia đình hiện đang kinh doanh nhà trọ thực hiện cải tạo, sửa chữa và nâng cấp khu nhà trọ đảm bảo đạt tiêu chuẩn.

10. Dự kiến ranh giới nội thị, ngoại thị

10.1. Định hướng đến năm 2025:

- Khu vực nội thị: Thực hiện Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, trên địa bàn thành phố Phúc Yên thực hiện sắp

xếp phường Trung Trắc và phường Trung Nhị để thành lập phường Hai Bà Trưng; sau khi sắp xếp, khu vực nội thị gồm có 07 phường là Hai Bà Trưng, Hùng Vương, Phúc Thắng, Xuân Hòa, Đồng Xuân, Nam Viêm và Tiên Châu.

- Khu vực ngoại thị: Gồm 02 xã là Ngọc Thanh và Cao Minh.

10.2. Định hướng giai đoạn 2026-2030:

- Khu vực nội thị gồm có 08 phường là Hai Bà Trưng, Hùng Vương, Phúc Thắng, Xuân Hòa, Đồng Xuân, Nam Viêm, Tiên Châu và Cao Minh.

- Khu vực ngoại thị: Xã Ngọc Thanh.

Ghi chú: Việc tổ chức không gian nội, ngoại thị sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính và cấp độ chính quyền theo chủ trương của Bộ Chính trị.

11. Quy hoạch sử dụng đất

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 5.380,41ha (trong đó: Đất dân dụng khoảng 1.453,58ha; đất ngoài khu dân dụng khoảng 3.926,83ha); đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 6.568,19ha.

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2045 khoảng 6.700,19ha (trong đó: Đất dân dụng khoảng 1.886,17ha; đất ngoài khu dân dụng khoảng 4.814,02ha). Đất nông nghiệp và chức năng khác khoảng 5.248,40ha.

Ghi chú: Chỉ tiêu sử dụng đất theo các giai đoạn được nghiên cứu, điều chỉnh phù hợp với khả năng thu hút đầu tư và quá trình phát triển đô thị.

(Chi tiết quy hoạch chức năng sử dụng đất của thành phố tại Phụ lục đính kèm)

12. Thiết kế đô thị

12.1. Định hướng thiết kế đô thị tổng thể:

- Xây dựng thành phố Phúc Yên có đặc trưng, đẹp, sinh động, tràn đầy sức sống, xứng tầm là đô thị trọng tâm của Vùng, Tỉnh. Tập trung nghiên cứu, thiết kế đô thị riêng cho các không gian có đặc trưng riêng.

- Hình thành các vùng cảnh quan, trong đó cảnh quan khu vực trung tâm hiện hữu, khu vực phát triển đô thị mới, khu vực phát triển du lịch kết nối hài hòa với không gian tự nhiên của núi, rừng, sông, hồ. Cảnh quan đô thị sẽ được các nhà đầu tư thứ cấp thực hiện, hoàn thiện riêng và có sự thống nhất với thiết kế cảnh quan chung của thành phố.

12.2. Định hướng thiết kế đô thị theo khu chức năng:

- Các khu vực đô thị hiện hữu: Cải tạo, tăng mật độ cho cấu trúc đô thị hiện nay, chỉnh trang mỹ quan đô thị, cải tạo và xây mới các không gian công cộng, không gian xanh đô thị, tăng cường các tiện ích đô thị. Đối với một số khu vực phát triển mới hài hòa, ăn nhập với phần đô thị hiện hữu, gìn giữ được các bản sắc riêng.

- Các khu đô thị mới; khu vực trung tâm đô thị: Xây dựng mật độ cao dọc các trục đường chính khu vực và thấp dần về phía cảnh quan thiên nhiên.

- Khu, cụm công nghiệp: Xây dựng đồng bộ, hiện đại, xanh, sạch, đẹp.

- Khu phát triển du lịch: Xây dựng mật độ thấp, theo hướng sinh thái, tôn trọng địa hình hài hòa với cảnh quan tự nhiên.

- Các điểm dân cư nông thôn trong các không gian sản xuất nông nghiệp kiểm soát phát triển chặt chẽ để tránh làm biến dạng cảnh quan.

12.3. Tổ chức không gian tại các khu vực điểm nhấn:

- Khuyến khích xây dựng công trình, tổ hợp công trình có quy mô với chất lượng kiến trúc đẹp, hiện đại, kiến trúc xanh.

- Các quần thể công trình kiến trúc phải tạo sự đa dạng nhưng vẫn đảm bảo hài hòa với các không gian xung quanh, phát huy đặc điểm riêng của từng khu vực.

- Phát huy giá trị các góc nhìn toàn cảnh từ trên các khu vực điểm cao.

12.4. Tổ chức không gian cây xanh mặt nước:

- Các khu vực tự nhiên bao quanh đô thị, các dãy núi cần được bảo vệ trước các tác động của quá trình đô thị hóa cũng như các hoạt động phát triển kinh tế.

- Giữ gìn tối đa mặt nước, sông, suối, kênh, mương hiện hữu.

13. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

13.1. Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

a) Đường bộ:

- Cao tốc Hà Nội - Lào Cai (CT.05): Quy mô 6 làn xe theo định hướng của Bộ Xây dựng.

- Quốc lộ 2: Bền = 57m; đoạn từ giao với đường Trần Nguyên Hãn đến đoạn giao với đường sắt Hà Nội – Lào Cai: Bền = 30,5m.

- Vành đai 5 Vùng thủ đô: Quy mô 4-6 làn xe (chưa bao gồm đường gom song hành hai bên).

- Vành đai 5 tỉnh Vĩnh Phúc: Tuyến đi trùng với ĐT.311B, Bền = 80m.

- ĐT.301: Kết nối từ đường Vành đai 5 vùng Thủ đô đến ĐT.310 đi Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Bền=36m.

- ĐT.310: Kết nối từ đường Vành đai 5 tỉnh Vĩnh phúc đi Cảng hàng không quốc tế Nội Bài. Bền=45-50m.

- ĐT.301B: Đoạn từ Hồ Đồng Đầm đi về Sóc Sơn Bền=36m; đoạn từ Hồ Đồng Đầm đi Thái Nguyên Bền=28m.

- ĐT.311: Kết nối tới Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, thành phố Hà Nội. Bền=46-52,5m.

- ĐT.311B: Tuyến trùng với đường vành đai 5 tỉnh Vĩnh Phúc, Bền = 80m.

- Giao thông đối nội: Tập trung cải tạo nâng cấp hệ thống đường hiện trạng; xây dựng một số tuyến đường trục chính đô thị quan trọng:

+ Xây dựng tuyến đường kết nối phía Bắc từ ĐT.301 sang ĐT.301B đoạn xã Ngọc Thanh. Bn=13,5m.

+ Xây dựng tuyến trục chính Đông - Tây, hỗ trợ giảm tải cho QL.2 (Tuyến mới hỗ trợ giảm tải cho QL.2), hướng đi theo đường Nguyễn Tất Thành sau đó đi về phía phường Hai Bà Trưng, Tiền Châu và kết thúc tại khu vực đường QL2 tiếp giáp xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên. Bn=57m.

+ Mở rộng, kéo dài đường Triệu Việt Vương (Bn=22m) và tuyến phía Bắc (Bn=24m) giáp Nhà máy Honda để kết nối với tuyến đường Hàm Nghi đi cảng Chu Phan, tạo kết nối với TP. Hà Nội thông qua tuyến đường qua đường Vành đai 4 đang thi công.

Các tuyến giao thông đô thị có các loại mặt cắt như bảng sau:

<i>Mặt cắt</i>	<i>Lộ giới (m)</i>	<i>Lòng đường (m)</i>	<i>Vĩa hè (m)</i>	<i>Dải phân cách giữa (m)</i>
1-1	68	(11,5+7,5)x2	6x2	2x2 + 14
2-2	45	11,25x2	6x2	10,5
2'-2'	52,5	15x2	6x2	10,5
3-3	42	(5,5+7,5)x2	4,5x2	2x2 + 3
4-4	36	10,5x2	6x2	3
5-5	33	8x2	4x2	9
6-6	30	20	5x2	0
7-7	26-28	(7-7,5)x2	6x2	0-1
8-8	23,5-25	(7-7,5)x2	(4-5)x2	0-1,5
9-9	24	15	4,5x2	0
10-10	19-20,5	10,5	(4-5)x2	0
11-11	16,5	7,5	4,5x2	0-2
12-12	14-16	8	(3-4)x2	0
13-13	13,5	7,5	3x2	0

Ghi chú: Mặt cắt các trục đường giao thông trong đồ án được xác định là mặt cắt điển hình, mặt cắt cụ thể của các tuyến đường, phương án tổ chức nút giao thông khác mức sẽ được xác định chính xác trong quá trình khảo sát, lập hướng tuyến và lập dự án đầu tư và quy hoạch cấp thấp hơn, đảm bảo phù hợp với hiện trạng địa hình, dân cư hiện hữu, đảm bảo tính khả thi.

- Bến xe, bãi đỗ xe: Duy trì Bến xe Phúc Yên đạt tiêu chuẩn loại 2; Bãi đỗ xe: Phát triển khoảng 21 bãi đỗ xe; chỉ tiêu diện tích đất bãi đỗ xe là $4\text{m}^2/\text{người}$.

b) Đường thủy: Phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phù hợp với định hướng phát triển giao thông vận tải trong Quy hoạch tổng thể quốc gia và kết nối đồng bộ với các phương thức vận tải khác để phát huy hiệu quả của toàn hệ thống giao thông vận tải.

c) Đường sắt:

- Đường sắt Hà Nội - Lào Cai: Cải tạo, nâng cấp từng bước đưa vào cấp kỹ thuật đường sắt quốc gia tuyến đường sắt Hà Nội - Lào Cai.

- Quy hoạch mới tuyến đường sắt khổ 1.435 mm, điện khí hóa và nhà ga đường sắt: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng:

+ Đoạn từ Hà Nội đến ga Phúc Yên hiện hữu: Cơ bản là trùng tim với đường cũ, mở rộng thành khổ đôi 1435 lòng 1000 (*thêm một tuyến bên cạnh chạy song song*).

+ Đoạn từ ga Phúc Yên hiện hữu đi Lào Cai: Tuyến xây mới theo hướng gần song song với cao tốc Hà Nội - Lào Cai.

- Đường sắt đô thị:

+ Tuyến đường sắt đô thị số 1: Tuyến dựa trên cơ sở tuyến đường sắt quốc gia hiện hữu Hà Nội - Lào Cai. Bắt đầu từ ga đầu mối Vĩnh Yên, qua TP Phúc Yên và kết nối với tuyến đường sắt đô thị vành đai phía Tây Thủ đô Hà Nội - Tuyến số 07 (Mê Linh - Dương Nội - Hà Đông).

+ Tuyến đường sắt đô thị số 3: Nghiên cứu tuyến đường sắt đô thị từ Cảng hàng không Nội Bài đi theo hướng Cao tốc Hà Nội - Lào Cai - Nguyễn Tất Thành - ĐT311B - ĐT.310 - QL2B nhằm nâng cao kết nối từ CHK Nội Bài đến Tam Đảo. (nghiên cứu trong giai đoạn sau năm 2030 khi điều kiện cho phép).

d) Giao thông công cộng:

- Sử dụng hệ thống xe bus điện chạy dọc theo các trục giao thông chính đô thị, kết nối các phân khu chức năng đô thị.

- Đi bộ và xe đạp cho các hành trình có cự ly ngắn và trung bình: Dành các không gian công cộng như vỉa hè, làn đường riêng dành cho xe đạp... Phát triển hệ thống xe đạp tự phục vụ.

13.2. Cao độ nền và thoát nước mưa:

- Cao độ nền:

+ Đối với khu vực dân dụng và công nghiệp: $H_{xd} \geq +9,0\text{m}$.

+ Đối với khu vực công viên, cây xanh tập trung: $H_{xd} \geq +8,5\text{m}$.

+ Khu vực phát triển mới đảm bảo cao độ chế chung của khu vực, khu vực hiện trạng hạn chế đào đắp, nền công trình xây dựng xen cây cần hài hòa với nền

hiện trạng xung quanh, đồng thời cần tổ chức hệ thống thoát nước mưa cho khu vực đảm bảo không bị ngập úng cục bộ.

- Thoát nước mưa:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh, đảm bảo thoát nước mưa trên toàn lưu vực. Hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn tại các khu vực phát triển mới, hệ thống thoát nước nửa riêng, tiến đến riêng hoàn toàn tại các khu vực hiện trạng.

+ Áp dụng các giải pháp thoát nước mưa bền vững mang tính linh hoạt, nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với mục tiêu phát triển đô thị. Nạo vét, khơi thông, mở rộng các trục tiêu thoát nước chính của đô thị, bố trí hệ thống hồ điều hòa nhằm điều tiết dòng chảy, nâng cao khả năng tiêu thoát nước, tạo cảnh quan đô thị và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Quy hoạch 03 lưu vực thoát nước chính:

- Lưu vực 1 (khu vực hữu sông Cà Lồ) chia làm 2 hướng thoát nước chính: Khu vực phía Tây đường sắt thoát nước tự chảy ra kênh tiêu, Đầm Diệu, sông Cà Lồ Cụt; khu vực phía Đông đường sắt thoát nước ra sông Cà Lồ qua các trạm bơm Đại Phùng 1 & 2.

- Lưu vực 2 (khu vực tả sông Cà Lồ đến núi Thần Lăn) nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước, các trục tiêu chính rồi thoát ra sông Cầu Bồn, sông Cà Lồ và sông Đại Nạn qua các trạm bơm Đầm Láng 1 & 2.

- Lưu vực 3 (khu vực phía Đông Bắc núi Thần Lăn) nước mưa được thu gom vào hệ thống thoát nước, sau đó thoát vào các trục suối chính như Đồng Câu, Đồng Đầm, Lập Đình, Đồng Đò sau đó chảy vào hồ Đại Lải và ra sông Ba Hanh, sông Đại Nạn.

13.3. Cấp nước

- Nhu cầu dùng nước: $Q_{max} = 96.000 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Nguồn cấp:

+ Cải tạo, nâng công suất các nhà máy nước: Nhà máy nước Phúc Yên lên $Q=30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; nhà máy nước Bình Xuyên lên $Q=30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; nhà máy nước Đồi Cấm lên $Q=4.500 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; nhà máy nước Nam Viêm lên $Q=4.500 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; nước Bá Hiến lên $Q=40.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; trạm cấp nước Viện Tám $Q=2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$

+ Trong giai đoạn 2026 - 2030 các nhà máy nước Phúc Yên, Bình Xuyên sẽ được tiếp nhận nguồn nước thô từ sông Hồng thông qua tuyến ống nước thô D500 từ trạm bơm cấp 1 tại xã Tiến Thịnh (huyện Mê Linh, Hà Nội) được xây dựng mới.

+ Xây dựng mới: Nhà máy nước Lập Đình $Q=5.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; trạm bơm tăng áp Xuân Hòa $Q=15.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$, Đại Lải $Q=10.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$; Đại Quang $5.000 \text{ m}^3/\text{ngđ.}$

- Hệ thống cấp nước được thiết kế theo nguyên tắc mạng vòng kết hợp mạng nhánh phân phối đến từng khu vực tiêu thụ. Hạng cứu hỏa lấy nguồn nước từ đường ống có đường kính tối thiểu D110 mm tại các vị trí thuận lợi và đặt trên vỉa hè.

- Mạng lưới đường ống: Bố trí mạng lưới đường ống theo mạng vòng kết hợp với mạng nhánh, sử dụng các đường ống truyền dẫn D200 - D500mm, tuyến ống phân phối D110 - D250mm.

13.4. Cấp điện:

- Nguồn điện cấp cho thành phố Phúc Yên: Theo Quy hoạch tỉnh Vĩnh Phúc, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, lưới điện 220kV tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 được cấp nguồn khép kín từ các trạm biến áp 500kV Vĩnh Yên, Sơn Tây và Việt Trì; tạo nên các mạch vòng khép kín cung cấp điện ổn định cho các trạm biến áp 220kV trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Thành phố Phúc Yên thuộc vùng I được cấp từ các trạm biến áp 110KV có công suất 2x63MVA.

- Trạm biến áp: Trên địa bàn thành phố có trạm 110KV Phúc Yên 2x63MVA hiện có và dự kiến xây mới trạm 110KV Phúc Yên 2 (2x63MVA) giai đoạn đến năm 2030.

- Đường dây:

+ Xây dựng mới xuất tuyến 110kV 02 mạch sau trạm 220kV Phúc Yên cấp điện cho trạm 110kV Phúc Yên 2 (Đồng bộ với trạm 220kV Phúc Yên).

+ Xây dựng mới xuất tuyến 110kV 04 mạch sau trạm 220kV Phúc Yên đầu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110kV từ trạm 220kV Bá Thiện – 110kV Khai Quang (Đồng bộ với trạm 220kV Phúc Yên).

+ Xây dựng mới đường dây 02 mạch đầu nối trạm 110kV Phúc Yên 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV trạm 220kV Vĩnh Yên – 110kV Phúc Yên.

+ Xuất tuyến 110kV 02 mạch sau trạm 220kV Phúc Yên đầu chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV từ trạm 220kV Bá Thiện - 110kV Vĩnh Yên 2 (Đồng bộ với trạm 220kV Phúc Yên).

+ Đường dây 02 mạch đầu nối trạm 110kV Xuân Hòa chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV trạm 220kV Phúc Yên - trạm 220kV Bá Thiện.

+ Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch dài từ trạm 220kV Vĩnh Yên - 110kV Phúc Yên - 110kV Quang Minh.

13.5. Bưu chính, viễn thông

a) Bưu chính

- Phát triển dịch vụ theo hướng đa dạng hóa, cung cấp tất cả các dịch vụ bưu chính đến các điểm phục vụ, chú trọng tới phát triển các dịch vụ mới, dịch vụ tài chính và các dịch vụ ứng dụng trên nền công nghệ thông tin nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng cao của người dân và các cơ quan, doanh nghiệp, ...

- Khi quy hoạch chi tiết và thực hiện xây dựng các khu đô thị cần bố trí xây dựng mới hoặc quy hoạch mở rộng các đài, trạm, burocục, để đảm bảo mạng Buro chính - Viễn thông khai thác được ổn định và tạo điều kiện cho việc mở rộng mạng lưới, đáp ứng nhu cầu của xã hội về thông tin.

b) Viễn thông

- Thực hiện xây dựng chính quyền điện tử, thành phố thông minh hướng tới xây dựng chính quyền số. Tập trung phát triển hạ tầng viễn thông. Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn thông tin và đô thị thông minh; mạng di động 5G được phủ sóng toàn thành phố; xây dựng thành phố Phúc Yên trở thành đô thị thông minh; hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử hướng đến xây dựng Chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Hệ thống hạ tầng viễn thông được quy hoạch đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác. Quy mô được tính toán đáp ứng nhu cầu sử dụng trước mắt và lâu dài; xây dựng hệ thống cáp ngầm phục vụ các mạng truyền hình, buro điện, internet...; cải tạo nâng cấp kết hợp xây dựng mới các trạm thu phát sóng của nhà cung cấp dịch vụ chính, phát triển trạm BTS theo công nghệ đa tần.

13.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Hệ thống thoát nước thải chính là hệ thống thoát nước riêng biệt, đối với các khu dân cư hiện hữu, trong các bước lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết cải tạo chỉnh trang, nghiên cứu quy hoạch hệ thống thoát nước thải nửa riêng để tách nước thải và dẫn vào hệ thống thoát nước thải riêng của đô thị.

- Nước thải được đưa về trạm xử lý nước thải Phúc Yên (xây mới) có công suất xử lý khoảng 34.000 m³/ngày tại phường Nam Viên.

- Các khu công nghiệp: Nước thải được thu về trạm xử lý nước thải trong dự án của từng khu công nghiệp.

- Hệ thống nước thải được thiết kế là cống từ D300 đến D1.000 đặt dưới đường giao thông, thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Chất thải rắn, công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và đưa về xử lý CTR tập trung của thành phố (*dự kiến bố trí tại phía Bắc tuyến đường Thanh Cao đi Đèo Bụt (đường Đại Lải), khu vực Đèo Bụt, xã Ngọc Thanh, giáp tỉnh Thái Nguyên, diện tích khoảng 10ha*); chất thải rắn y tế, chất thải nguy hại được thu gom, xử lý tại nhà máy xử lý chất thải nguy hại theo quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Nghĩa trang: Giai đoạn ngắn hạn cải tạo chỉnh trang và sử dụng các nghĩa trang nhân dân hiện có, các nghĩa trang này sẽ đóng cửa sau khi các dự án đầu tư xây dựng trong khu vực được triển khai.

- Quy hoạch xây dựng 01 nhà tang lễ tại vị trí gần trung tâm y tế thành phố Phúc Yên, trên địa bàn phường Nam Viên, quy mô 2,0ha.

14. Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường

- Ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh, duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại cụm công nghiệp, khu vực chăn nuôi tập trung và các khu vực khác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, hệ sinh thái, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước.

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ nước, bảo vệ kênh, mương, dòng suối, dòng hiện hữu.

- Cụm công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO:14000.

- Đầu tư hệ thống, thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

- Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt.

15. Phân kỳ thực hiện quy hoạch & các dự án ưu tiên đầu tư

- Giai đoạn đến 2025: Hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung đô thị; xây dựng đề án phát triển đô thị xanh gắn với mô hình đô thị thông minh; hoàn thiện các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật còn thiếu của đô thị loại II.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Phát triển và nâng cao chất lượng không gian đô thị; xây dựng hoàn thiện các tuyến đường đô thị, không gian công cộng và dịch vụ công cộng dọc trục đường Nguyễn Tất Thành mở rộng kết nối về phía Nam hồ Đại Lải. Cải tạo chỉnh trang các khu vực đô thị hiện hữu; phát triển hệ thống giao thông kết nối đô thị như: Đường sắt đô thị, giao thông công cộng; phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, đáp ứng tiêu chí đô thị loại I.

- Giai đoạn 2031 - 2045: Mở rộng kết nối ra các khu vực lân cận như Sóc Sơn, Mê Linh, Bình Xuyên, Phổ Yên để tạo không gian phát triển hài hòa, dựa trên nguyên tắc bảo tồn và phát huy giá trị núi rừng Ngọc Thanh & hồ Đại Lải. Khai

thác khu vực chuyển đổi trung tâm hành chính cũ để tạo các công trình dịch vụ đô thị, công viên đô thị và bổ sung không gian phát triển cho thành phố Phúc Yên. Thu hút phát triển các công trình kiến trúc tạo điểm nhấn đô thị.

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo Phụ lục đính kèm (mục tiêu cụ thể sẽ được nghiên cứu, điều chỉnh cho phù hợp với quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính và cấp độ chính quyền theo chủ trương của Bộ Chính trị).

16. Quy định quản lý: UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý theo Quy hoạch chung thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2045; Kèm theo hồ sơ quy hoạch này (*Có hồ sơ đồ án quy hoạch được Sở Xây dựng thẩm định, được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thành phố Phúc Yên:

- Chủ trì, phối hợp cơ quan liên quan tổ chức công bố công khai quy hoạch được duyệt và triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo quy định; tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị, Đề án phân loại đô thị theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác về nội dung đánh giá hiện trạng, cập nhật dự án đã triển khai theo quy định, các thông tin, tài liệu, số liệu tính toán trong hồ sơ đồ án... đảm bảo theo chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 271-KL/TU ngày 07/03/2025. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch được duyệt, trường hợp phát hiện nội dung không đảm bảo theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Tỉnh ủy nêu trên, UBND thành phố Phúc Yên có trách nhiệm kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét xử lý, giải quyết kịp thời, đúng theo quy định.

- Chịu trách nhiệm quản lý quy hoạch các quỹ đất, dự án khu vực xung quanh hồ Đại Lải đảm bảo không tiếp tục san lấp mặt hồ, xây dựng công trình các dự án xung quanh hồ Đại Lải vi phạm quy định pháp luật thủy lợi, vi phạm quản lý cos nước hồ Đại Lải, không để xảy ra vi phạm mới.

2. Sở Xây dựng:

- Chịu trách nhiệm tính chính xác nội dung thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 271-KL/TU ngày 07/03/2025; có giải pháp quản lý chặt chẽ đối với phần diện tích chưa vi phạm hoặc đã xử lý xong vi phạm, không để xảy ra vi phạm mới, đồng thời đảm bảo thu hồi tối đa diện tích đất đã giao cho các dự án xung quanh hồ Đại Lải được xác định là vi phạm quy định pháp luật thủy lợi, vi phạm quản lý cos nước hồ Đại Lải; chịu trách nhiệm nội dung thẩm định trình phê duyệt quy hoạch không làm cơ sở để tiếp tục san lấp mặt bằng, san lấp mặt nước, xây dựng công trình trái quy định trong phạm vi quản lý hồ Đại Lải theo quy định của pháp luật. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch được duyệt, trường hợp phát hiện nội dung không đảm bảo theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Tỉnh ủy nêu trên, Sở Xây dựng có trách nhiệm kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét

xử lý, giải quyết kịp thời, đúng theo quy định. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị theo quy hoạch được duyệt, tham mưu cho UBND tỉnh về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quy hoạch, xây dựng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp UBND thành phố Phúc Yên gửi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt về Bộ Xây dựng theo quy định.

3. Các sở, ngành Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Dân tộc và Tôn giáo, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; UBND thành phố Phúc Yên và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, triển khai thực hiện quy hoạch được phê duyệt và theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch được duyệt, trường hợp phát hiện nội dung không đảm bảo theo quy định của pháp luật, các cơ quan có trách nhiệm kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét xử lý, giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Công thương, Văn hoá Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Dân tộc và Tôn giáo, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Phúc Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn

PHỤ LỤC

Số liệu quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch

(kèm theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2030						Quy hoạch đến năm 2045					
		Tổng thành phố	Khu vực nội thành			Khu vực ngoại thành		Tổng thành phố	Khu vực nội thành			Khu vực ngoại thành	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích thành phố Phúc Yên	11.948,6	4.274,93	100,00		7.673,67	100,00	11.948,6	4.274,93	100,00		7.673,67	100,00
A	Đất xây dựng đô thị	5.070,22	2.510,57	58,73		2.559,65	33,36	6.699,78	2.966,17	69,39		3.733,60	48,65
I	Khu đất dân dụng	1.445,85	1.367,37	31,99	99,08	78,48	1,02	1.902,38	1.704,52	39,87	97,40	197,86	2,58
I.1	Đất đơn vị ở	936,57	936,57	21,91				1.078,80	1.078,80	25,24			
	Đất đơn vị ở hiện trạng	778,47	778,47	18,21	80,00			778,47	778,47	18,21	80,00		
	Đất đơn vị ở mới	158,10	158,10	3,70	45,00			300,33	300,33	7,03	45,00		
I.2	Đất hỗn hợp	83,38	83,38	1,95				164,27	164,27	3,84			
I.3	Đất dịch vụ công cộng (cấp thành phố)	63,28	59,92	1,40	4,34	3,36	0,04	115,28	86,74	2,03	4,96	28,54	0,37
	Trong đó:												
	Đất trường trung học phổ thông	16,46	13,10	0,31		3,36	0,04	22,07	18,71	0,44		3,36	0,04
	Đất y tế	5,52	5,52	0,13				7,00	7,00	0,16			
	Đất văn hóa, TDTT	31,86	31,86	0,75				40,00	40,00	0,94			
	Đất dịch vụ (chợ...)	9,44	9,44	0,22				46,21	21,03	0,49		25,18	
I.4	Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị (cấp thành phố)	9,38	8,40	0,20		0,98	0,01	9,38	8,40	0,20		0,98	0,01
I.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	131,60	82,80	1,94	6,00	48,80	0,64	227,00	105,00	2,46	6,00	122,00	1,59
I.6	Đất giao thông đô thị	188,40	179,40	4,20	13,00	9,00	0,12	257,50	227,50	5,32	13,00	30,00	0,39

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2030						Quy hoạch đến năm 2045						
		Tổng thành phố	Khu vực nội thành			Khu vực ngoại thành		Tổng thành phố	Khu vực nội thành			Khu vực ngoại thành		
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
I.7	Đất hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	33,25	16,91	0,40			16,34	0,21	50,15	33,81	0,79		16,34	0,21
II	Khu đất ngoài dân dụng	3.624,37	1.143,20	26,74	82,84	2.481,17	32,33	4.797,40	1.261,65	29,51	72,09	3.535,74	46,08	
II.1	Đất sản xuất công nghiệp	417,64	417,64	9,77				327,94	327,94	7,67				
II.1.1	Đất KCN	177,74	177,74	4,16				177,74	177,74	4,16				
II.1.2	Đất CCN	66,90	66,90	1,56				66,90	66,90	1,56				
II.1.3	Đất XNCN	173,00	173,00	4,05				83,30	83,30	1,95				
II.2	Đất trung tâm đào tạo nghiên cứu (cấp quốc gia, vùng, tỉnh)	60,30	60,30	1,41				60,30	60,30	1,41				
II.3	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị (cấp quốc gia, vùng, tỉnh)	17,44					17,44	0,23	17,44			17,44	0,23	
II.4	Đất trung tâm y tế (cấp quốc gia, vùng, tỉnh)	19,63	19,63	0,46				19,63	19,63	0,46				
II.5	Đất trung tâm văn hóa, TDTT (cấp quốc gia, vùng, tỉnh)	2,24	2,24	0,05				125,85	60,71	1,42		65,14	0,85	
II.6	Đất dịch vụ, du lịch (cấp quốc gia, vùng, tỉnh)	444,79	102,81	2,40			341,98	4,46	776,34	185,45	4,34	590,89	7,70	
II.7	Đất cây xanh chuyên dụng	98,54	92,00	2,15			6,54	0,09	120,88	114,34	2,67	6,54	0,09	
II.8	Đất cây xanh sử dụng hạn chế	18,08					18,08	0,24	191,60			191,60	2,50	

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2030						Quy hoạch đến năm 2045					
		Tổng thành phố	Khu vực nội thành			Khu vực ngoại thành		Tổng thành phố	Khu vực nội thành			Khu vực ngoại thành	
			Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
II.9	Đất di tích, tôn giáo	16,20	12,94	0,30		3,26	0,04	16,20	12,94	0,30		3,26	0,04
II.10	Đất điểm dân cư nông thôn	1.192,44				1.192,44	15,54	1.299,38				1.299,38	16,93
II.11	Đất hỗn hợp (điểm dân cư + dịch vụ + du lịch)	454,78				454,78	5,93	868,99				868,99	11,32
II.12	Đất an ninh	15,00	15,00	0,35				20,74	17,06	0,40		3,68	0,05
II.13	Đất quốc phòng	264,00	49,60	1,16		214,40	2,79	264,00	49,60	1,16		214,40	2,79
II.14	Đất giao thông đối ngoại	523,29	312,69	7,31		210,60	2,74	589,33	355,33	8,31		234,00	3,05
II.15	Đất nghĩa trang	80,00	58,35	1,36		21,65	0,28	98,77	58,35	1,36		40,42	0,53
B	Khu đất nông nghiệp và chức năng khác	6.878,37	1.764,35	41,27		5.114,02	66,64	5.248,82	1.308,76	30,61		3.940,06	51,35
1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.839,13	748,30	17,50		1.090,83	14,22	857,00	277,35	6,49		579,64	7,55
2	Đất lâm nghiệp	3.661,00	203,76	4,77		3.457,24	45,05	3.003,19	203,76	4,77		2.799,43	36,48
2.1	Đất rừng sản xuất	1.776,00				1.776,00	23,14	1.291,98		0,00		1.291,98	16,84
2.2	Đất rừng phòng hộ	1.210,00	203,76	4,77		1.006,24	13,11	1.036,21	203,76	4,77		832,45	10,85
2.3	Đất rừng đặc dụng	675,00				675,00	8,80	675,00				675,00	8,80
3	Đất nuôi trồng thủy sản	8,54	0,05	0,00		8,49	0,11	8,54	0,05	0,00		8,49	0,11
4	Đất vườn tạp, thủy lợi, nông nghiệp, công trình khác xen kẽ trong các khu dân cư	581,69	581,69	13,61				581,69	581,69	13,61			
5	Đất chưa sử dụng												
6	Hồ, ao, đầm	599,88	98,91	2,31		500,97	6,53	610,27	114,26	2,67		496,01	6,46
7	Sông, suối, kênh, rạch...	188,13	131,64	3,08		56,49	0,74	188,13	131,64	3,08		56,49	0,74

PHỤ LỤC
Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư
(kèm theo Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 15/4/2025
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

<i>TT</i>	<i>Tên dự án</i>	<i>Giai đoạn xây dựng</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Quy mô/công suất</i>	<i>Nguồn vốn</i>
I	Chương trình, kế hoạch	Đầu tư công			
1	Điều chỉnh hệ thống các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, các khu vực phát triển đô thị mới, các khu cụm công nghiệp, khu du lịch, khu thương mại....	2025	Trên địa bàn thành phố		Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
2	Lập đề án và thực hiện lộ trình xây dựng Thành phố Thông minh	2025	Trên địa bàn thành phố		Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
3	Chương trình phát triển hệ thống các dịch vụ, tiện ích công cộng đô thị và du lịch	2025	Trên địa bàn Thành phố		Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
4	Chương trình cải tạo, chỉnh trang các khu đô thị, khu dân cư (cấp phường) theo lộ trình quy hoạch	2025	Trên địa bàn thành phố		Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
5	Chương trình cải tạo, nâng cấp, xây mới các chợ	2025	Trên địa bàn thành phố		Nguồn vốn NSNN thực hiện theo từng dự án
II	Dự án phát triển đô thị	Hình thức đầu tư: BT; Xã hội hóa; Đầu tư công			
1	Hoàn thiện các dự án hạ tầng đô thị, lấp đầy các quy hoạch hiện có	2025 - 2030	Trên địa bàn thành phố		Nhu cầu vốn được xác định theo từng dự án
2	Xây dựng trung tâm hành chính mới của TP	2025 - 2030	Cao Minh	11ha	Theo các dự án riêng (khi đủ điều kiện theo quy định)
3	Xây dựng mới trường phổ thông theo tốc độ phát triển dân số. Nâng cấp cải tạo các trường học hiện có trên địa bàn xã, phường	2025 -2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
4	Đầu tư, nâng cấp, mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm y tế thành phố	2025 - 2030	Nam Viêm	150 giường	Theo các dự án riêng
5	Xây dựng mới Bệnh viện đa khoa khu vực Phúc Yên.	2030-2045	Trên địa bàn thành phố	900 giường	Theo các dự án riêng
6	Xây dựng quần thể các công trình văn hóa, như: Cung văn hoá lao động hoặc nhà văn hoá lao động, bảo tàng, nhà truyền thống, cung thiếu nhi,...	2025 -2045	Cao Minh	13ha	Theo các dự án riêng
7	Xây dựng tổ hợp TDTT thành phố	2025-2030	Nam Viêm, Cao Minh	40ha	Theo các dự án riêng
8	Xây dựng bổ sung, nâng cấp công trình văn hóa, thể dục thể thao cấp xã, phường	2025 -2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng

<i>TT</i>	<i>Tên dự án</i>	<i>Giai đoạn xây dựng</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Quy mô/ công suất</i>	<i>Nguồn vốn</i>
9	Xây dựng hệ thống vườn hoa, công viên; bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa	2025 -2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
10	Dự án xây dựng trung tâm điều dưỡng người có công	2025 - 2030	Trên địa bàn thành phố	1ha	Theo dự án riêng
11	Dự án thu hút đầu tư thành lập 01 trường cao đẳng tư thực hoặc vốn đầu tư nước ngoài	2025 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo dự án riêng
12	Dự án thu hút đầu tư thành lập 01 đến 02 cơ sở giáo dục nghề nghiệp	2025 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo dự án riêng
13	Thu hút, phát triển các dự án đô thị sinh thái cao cấp, đô thị hỗn hợp khu vực phía Nam đường Nguyễn Tất Thành	2025 - 2045	Cao Minh, Nam Viêm		Theo dự án riêng
14	Thu hút, phát triển các dự án du lịch nghỉ dưỡng, sân golf, dịch vụ vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe, y tế	2025 - 2030	Ngọc Thanh		Theo các dự án riêng
15	Thu hút, phát triển các dự án đô thị, nhà ở sinh thái kết hợp dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao dọc tuyến đường Vành đai 5 Vùng Thủ đô	2025 - 2030	Ngọc Thanh		Theo các dự án riêng
16	Thu hút, phát triển các dự án đô thị, nhà ở sinh thái kết hợp dịch vụ, du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao khu vực hồ Lập Đình	2025 - 2030	Ngọc Thanh		Theo các dự án riêng
17	Tập trung đầu tư, hoàn thiện các dự án nhà ở, du lịch nghỉ dưỡng khu vực hồ Đồng Đám	2025 - 2030	Ngọc Thanh	167ha	Theo các dự án riêng
18	Tập trung đầu tư, hoàn thiện các dự án nhà ở, du lịch nghỉ dưỡng khu vực xung quanh hồ Đại Lải	2025 - 2030	Ngọc Thanh		Theo các dự án riêng
19	Các dự án khu đô thị mới, khu nhà ở thương mại, khu nhà ở công nhân, khu nhà ở xã hội	2025 - 2030	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
III	Dự án hạ tầng đô thị	Hình thức đầu tư: ODA, BT; BOT; BTO; Đầu tư công			
III.1	Dự án giao thông				
1	Dự án cải tạo, nâng cấp QL.2 (đoạn qua thành phố Phúc Yên)	2025 – 2030	Trên địa bàn thành phố		1.000 tỷ
2	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.301 (nối Đại Lải đến Sóc Sơn, kết nối sân bay Nội Bài)	2025 – 2030	Trên địa bàn thành phố		500 tỷ
3	Dự án cải tạo, nâng cấp ĐT.310 (nối Đại Lải đến Sóc Sơn, kết nối sân bay Nội Bài)	2025 – 2030	Ngọc Thanh		650 tỷ
4	Dự án xây dựng ĐT.311B	2025 – 2030	Cao Minh, Nam Viêm		300 tỷ
5	Dự án xây dựng ĐT.301B	2025 – 2030	Ngọc Thanh		300 tỷ

<i>TT</i>	<i>Tên dự án</i>	<i>Giai đoạn xây dựng</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Quy mô/ công suất</i>	<i>Nguồn vốn</i>
6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường Phạm Văn Đồng	2025 – 2030	Cao Minh, Ngọc Thanh		700 tỷ
7	Dự án xây dựng mới đường trục trung tâm kết nối đường tránh Phúc Yên (từ Khu đô thị Đầm Diệu vượt đường sắt đi Nam Viêm nối đường Nguyễn Tất Thành)	2025 – 2030	Trên địa bàn thành phố		1.000 tỷ
8	Dự án xây dựng mới đường song hành hai bên đường sắt	2025 – 2030	Trên địa bàn thành phố		450 tỷ
9	Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị kết nối sân bay Nội Bài	2030 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo dự án riêng
10	Dự án xây dựng mới đường sắt Hà Nội - Lào Cai & ga đường sắt mới	2030 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo dự án riêng
11	Dự án xây dựng đường trục chính mới của thành phố (từ đường Nguyễn Tất Thành đến QL.2, nhằm giảm tải cho đường Hai Bà Trưng (QL.2)	2025 – 2030	Phúc Thắng, Trung Nhi, Tiền Châu	05km	Theo dự án riêng
12	Dự án xây dựng hệ thống đường trục chính trong các khu đô thị mới, khu du lịch	2025 -2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
13	Dự án xây dựng mới hệ thống bãi đỗ xe	2025-2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
III.2	<i>Dự án san nền, thoát nước mưa, phòng và giảm nhẹ thiên tai</i>				
1	Bổ sung hệ thống hạ tầng thoát nước, kè chống sạt lở khắc phục các điểm ngập lụt và sạt lở trong đô thị	2025 - 2030	Trên địa bàn thành phố	108 km công	500
2	Kè chống sạt lở, cải tạo đê sông Cà Lồ và sông Ba Hanh	2025 - 2030	Trên địa bàn thành phố		1.000
3	Nâng cấp, cải tạo các hồ chứa lớn, vừa như: hồ Đại Lải, hồ Thanh Cao, hồ Lập Đình, hồ Đồng Đầm,... và các hồ nhỏ trên địa bàn.	2025 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
4	Xây mới hồ Hang Dơi và một các các hồ, đập, trạm bơm, công trình trên kênh vừa và nhỏ khá	2025 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
5	Bảo vệ và bổ sung hệ thống mặt nước trong đô thị, đảm bảo tỷ lệ mặt nước chiếm 5% diện tích xây dựng đô thị mới	2025 - 2045	Trên địa bàn thành phố		300
6	Nâng cấp các trạm bơm Đại Phụng 1, Đại Phụng 2, Đầm Láng đảm bảo tiêu thoát cho khu vực	2025 - 2045	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
III.3	<i>Dự án cấp nước</i>				
1	Xây dựng mới NMN Lập Đình công suất 5.000 m3/ngđ và hệ thống truyền tải, phân phối	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	5.000 m3/ ng.đêm	30 tỷ

<i>TT</i>	<i>Tên dự án</i>	<i>Giai đoạn xây dựng</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Quy mô/ công suất</i>	<i>Nguồn vốn</i>
2	Xây dựng mới TBTA Đại Quang công suất 5.000 m3/ngđ và hệ thống truyền tải, phân phối	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	5.000 m3/ng.đêm	Theo dự án riêng
3	Xây dựng mới TBTA Đại Lải công suất 10.000 m3/ngđ và hệ thống truyền tải, phân phối	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	10.000 m3/ng.đêm	Theo dự án riêng
4	Dự án cải tạo, nâng công suất các NMN hiện có; xây dựng hệ thống đường ống phân phối	2025-2045	Trên địa bàn Thành phố		Theo các dự án riêng
5	Dự án xây dựng tuyến ống nước thô D500 từ sông Hồng, qua trạm bơm cấp 1 tại xã Tiến Thịnh – huyện Mê Linh cấp nước thô cho 2 nhà máy nước Phúc Yên và Bình Xuyên	2025-2030	Mê Linh, Phúc Yên		Theo dự án riêng
III.4	<i>Dự án thoát nước thải, môi trường</i>				
1	Dự án xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	50.000 m3	1.000 tỷ
2	Dự án hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp, các khu khai trường	2025-2030	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
3	Dự án xây dựng mới khu xử lý CTR	2025-2030	Ngọc Thanh	10ha	Theo dự án riêng
4	Dự án xây dựng công viên nghĩa trang TP	2025-2030	Ngọc Thanh	15ha	Theo dự án riêng
5	Dự án xây dựng nhà tang lễ TP	2025	Nam Viêm	2ha	Theo dự án riêng
6	Dự án cải tạo, tôn tạo cảnh quan, kè hồ đô thị	2025-2030	Toàn thành phố		Theo dự án riêng
7	Dự án tuyên truyền, hỗ trợ, tiếp tục nâng cao tỷ lệ hoả táng	2025-2030	Toàn thành phố		Theo dự án riêng
8	Dự án phân loại CTR tại nguồn	2025-2030	Toàn thành phố		Theo dự án riêng
III.5	<i>Dự án cấp điện, viễn thông</i>				
1	Xây dựng mới TBA 220KV Phúc Yên	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	2x250MVA	Theo dự án riêng
2	Xây dựng mới TBA 110KV Phúc Yên 2	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	2x63MVA	Theo dự án riêng
3	Xây dựng mới TBA 110KV Xuân Hòa	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	2x40MVA	Theo dự án riêng
4	Xây dựng mới xuất tuyến 110kV 02 mạch sau trạm 220kV Phúc Yên cấp điện cho trạm 110kV Phúc Yên 2 (Đồng bộ với trạm 220kV Phúc Yên).	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	0,5km	Theo dự án riêng
5	Xây dựng mới xuất tuyến 110kV 04 mạch sau trạm 220kV Phúc Yên đấu chuyển tiếp trên 02 mạch đường dây 110kV từ trạm 220kV Bá Thiện – 110kV Khai Quang (Đồng bộ với trạm 220kV Phúc Yên).	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	5,0km	Theo dự án riêng
6	Xây dựng mới đường dây 02 mạch đấu nối trạm 110kV Phúc	2025-2030	Trên địa bàn thành phố	4,0km	Theo dự án riêng

<i>TT</i>	<i>Tên dự án</i>	<i>Giai đoạn xây dựng</i>	<i>Địa điểm</i>	<i>Quy mô/ công suất</i>	<i>Nguồn vốn</i>
	Yên 2 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV trạm 220kV Vĩnh Yên – 110kV Phúc Yên.				
7	Xuất tuyến 110kV 02 mạch sau trạm 220kV Phúc Yên đầu chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV từ trạm 220kV Bá Thiện - 110kV Vĩnh Yên 2 (Đồng bộ với trạm 220kV Phúc Yên).	2025-2030	H. Bình Xuyên, TP. Phúc Yên	5,0km	Theo dự án riêng
8	Đường dây 02 mạch đầu nối trạm 110kV Xuân Hòa chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV trạm 220kV Phúc Yên - trạm 220kV Bá Thiện.	2025-2030	TP. Phúc Yên và H. Bình Xuyên	2,0km	Theo dự án riêng
9	Cải tạo đường dây 01 mạch thành 02 mạch dài từ trạm 220kV Vĩnh Yên - 110kV Phúc Yên - 110kV Quang Minh.	2025-2030	H. Bình Xuyên và TP. Phúc Yên	11,3km	Theo dự án riêng
10	Xây dựng mới đường dây 02 mạch đầu nối trạm 110kV Phúc Yên 3 chuyển tiếp trên 01 mạch đường dây 110kV trạm 220kV Vĩnh Yên - trạm 110kV Phúc Yên.	2031-2050	Trên địa bàn thành phố	2,0km	Theo dự án riêng
11	Xây dựng hệ thống chiếu sáng thông minh	2025-2030	Trên địa bàn thành phố		Theo dự án riêng
12	Hạ ngầm lưới điện trung thế và hạ thế khu vực trung tâm thành phố	2025-2030	Trên địa bàn thành phố		Theo các dự án riêng
13	Hạ ngầm cáp quang khu vực trung tâm thành phố	2020-2025	Trên địa bàn thành phố		Theo dự án riêng

Trang cuối của quyết định./.